

PHỤ LỤC 02**TẠM GIAO SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC CHO CÁC XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU NĂM 2026***(Kèm theo Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

TT	Tên đơn vị hành chính	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giao năm 2026				Ghi chú
		Tổng số	Viên chức khác	Viên chức giáo dục	Viên chức y tế	
I	Tổng	28.259	681	25.786	1.792	
1	Phường Cẩm Thành	605	9	573	23	
2	Phường Nghĩa Lộ	605	10	568	27	
3	Phường Trương Quang Trọng	428	8	394	26	
4	Xã Tịnh Khê	427	6	392	29	
5	Xã An Phú	529	7	484	38	
6	Xã Bình Sơn	885	10	826	49	
7	Xã Đông Sơn	502	6	458	38	
8	Xã Vạn Tường	589	6	549	34	
9	Xã Bình Minh	231	5	206	20	
10	Xã Bình Chương	161	5	144	12	
11	Xã Sơn Tịnh	357	6	327	24	
12	Xã Trường Giang	230	4	207	19	
13	Xã Ba Gia	265	5	242	18	
14	Xã Thọ Phong	250	6	229	15	
15	Xã Tư Nghĩa	543	10	501	32	
16	Xã Trà Giang	256	7	225	24	
17	Xã Nghĩa Giang	326	8	295	23	
18	Xã Vệ Giang	391	7	358	26	
19	Xã Mộ Đức	374	9	341	24	
20	Xã Long Phụng	448	4	416	28	
21	Xã Mộ Cày	410	6	382	22	
22	Xã Lân Phong	334	7	310	17	
23	Phường Đức Phổ	447	5	413	29	
24	Phường Sa Huỳnh	352	6	331	15	
25	Phường Trà Câu	454	5	421	28	
26	Xã Khánh Cường	207	5	188	14	

TT	Tên đơn vị hành chính	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giao năm 2026				Ghi chú
		Tổng số	Viên chức khác	Viên chức giáo dục	Viên chức y tế	
27	Xã Nguyễn Nghiêm	183	4	167	12	
28	Xã Nghĩa Hành	307	6	282	19	
29	Xã Thiện Tín	233	4	209	20	
30	Xã Đình Cương	277	3	252	22	
31	Xã Phước Giang	242	5	216	21	
32	Xã Ba Tư	268	11	238	19	
33	Xã Ba Vinh	116	4	98	14	
34	Xã Ba Vì	193	4	171	18	
35	Xã Ba Tô	171	2	152	17	
36	Xã Ba Đình	132	4	115	13	
37	Xã Đặng Thùy Trâm	105	3	90	12	
38	Xã Ba Động	152	4	130	18	
39	Xã Ba Xa	92	2	84	6	
40	Xã Minh Long	255	12	224	19	
41	Xã Sơn Mai	192	11	168	13	
42	Xã Sơn Hà	358	3	337	18	
43	Xã Sơn Linh	265	4	242	19	
44	Xã Sơn Hạ	353	4	326	23	
45	Xã Sơn Kỳ	146	5	128	13	
46	Xã Sơn Thủy	179	5	156	18	
47	Xã Sơn Tây Thượng	215	7	187	21	
48	Xã Sơn Tây Hạ	190	6	163	21	
49	Xã Sơn Tây	278	7	251	20	
50	Xã Trà Bồng	374	8	347	19	
51	Xã Cà Đam	132	7	111	14	
52	Xã Thanh Bồng	217	8	188	21	
53	Xã Đông Trà Bồng	152	7	128	17	
54	Xã Tây Trà	304	8	274	22	
55	Xã Tây Trà Bồng	217	7	193	17	
56	Đặc khu Lý Sơn	345	31	314		
57	Phường Kon Tum	661	9	618	34	
58	Phường Đăk Cấm	332	17	296	19	

TT	Tên đơn vị hành chính	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giao năm 2026				Ghi chú
		Tổng số	Viên chức khác	Viên chức giáo dục	Viên chức y tế	
59	Phường Đắk BLa	249	6	225	18	
60	Xã Ngọc Bay	321	6	296	19	
61	Xã Ia Chim	282	6	259	17	
62	Xã Đắk Rơ Wa	375	6	343	26	
63	Xã Đắk Pék	354	20	322	12	
64	Xã Xốp	135	4	119	12	
65	Xã Ngọc Linh	156	4	140	12	
66	Xã Đắk PLô	151	4	129	18	
67	Xã Đắk Môn	236	4	217	15	
68	Xã Đắk Long	142	3	133	6	
69	Xã Bờ Y	554	22	513	19	
70	Xã Sa Loong	196	4	180	12	
71	Xã Dục Nông	307	4	285	18	
72	Xã Đắk Tô	639	15	600	24	
73	Xã Ngọc Tụ	209	4	193	12	
74	Xã Kon Đào	329	4	307	18	
75	Xã Tu Mơ Rông	217	13	192	12	
76	Xã Đắk Sao	157	4	141	12	
77	Xã Đắk Tờ Kan	232	4	212	16	
78	Xã Măng Ri	290	4	256	30	
79	Xã Đắk Hà	475	17	438	20	
80	Xã Đắk Pxi	241	4	225	12	
81	Xã Đắk Mar	334	6	316	12	
82	Xã Đắk Ui	201	4	185	12	
83	Xã Ngọc Réo	245	4	230	11	
84	Xã Măng Đen	323	28	278	17	
85	Xã Kon Plông	248	4	226	18	
86	Xã Măng Bút	253	4	231	18	
87	Xã Kon Braih	397	18	360	19	
88	Xã Đắk Kôi	153	4	135	14	
89	Xã Đắk Rve	188	4	168	16	
90	Xã Sa Thầy	359	21	319	19	

TT	Tên đơn vị hành chính	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giao năm 2026				Ghi chú
		Tổng số	Viên chức khác	Viên chức giáo dục	Viên chức y tế	
91	Xã Sa Bình	354	4	332	18	
92	Xã Ya Ly	216	4	194	18	
93	Xã Mô Rai	121	3	112	6	
94	Xã Rờ Koi	114	3	105	6	
95	Xã Ia Toi	177	11	156	10	
96	Xã Ia Đal	87	3	79	5	